| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN LÃO**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23-8-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Vũ Trọng Đạt

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Văn Thắng

Ông Vũ Văn Thôn

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2024/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2024, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 743/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, nơi cư trú: Thôn 4 H, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T, nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:* Chị và anh Hoàng Văn T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình năm 2005. Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống tại Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách và lối sống không phù hợp, không tin tưởng nhau về tình cảm, anh T sống không chung thủy. Năm 2013, anh T đánh và đuổi chị đi.

Do đó, chị về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn 4 H, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình sinh sống. Từ đó đến nay, chị và anh T sống ly thân, không còn liên lạc và quan tâm đến nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã thực sự sâu sắc, không có khả năng hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Chị và anh T có 02 con chung là Hoàng Thành N, sinh ngày 12-02-2007 và Hoàng Thành L, sinh ngày 10-01-2012. Trong quá trình chị và anh T sống ly thân, cháu N và cháu L ở cùng anh T. Hiện nay, do sức khỏe yếu nên chị phải ở nhà, không có thu nhập nên không đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giao cả 02 con chùng cho anh T nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh T trình bày:* Anh và chị N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm, tính cách và lối sống không phù hợp, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống căng thẳng, không hạnh phúc. Chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2013 đến nay không về với chồng con, anh cũng không tìm và không liên lạc với chị N. Nay chị N xin ly hôn thì anh hoàn toàn đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị N ly hôn. Anh và chị N có 02 con chung là Hoàng Thành N, sinh ngày 12-02-2007 và Hoàng Thành L, sinh ngày 10-01-2012. Từ khi chị N bỏ đi, 02 con do anh nuôi dưỡng. Hiện nay, anh làm công việc kinh doanh, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 triệu đồng, có nơi ở rộng rãi đảm bảo cho việc nuôi con. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giao cả 02 con cho anh nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện:* Trong quá trình chung sống, chị N và anh T thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống chung không còn hòa thuận, hạnh phúc. Chị N và anh T có 02 con chung là Hoàng Thành N, sinh năm 2007 và Hoàng Thành L, sinh năm 2012. Từ năm 2013 đến nay, chị N và anh Tuyển sống ly thân, cháu N và cháu L ở cùng anh T, được chăm sóc chu đáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N ly hôn anh T; giao cháu N và cháu L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn là anh Hoàng Văn T, cư trú tại Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị N và anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện kết hôn, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình năm 2005, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 12-01-2005. Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá trình chung sống, chị N và anh T không hoà thuận, hạnh phúc. Từ năm 2013 đến nay, chị N và anh T sống ly thân, mỗi người một nơi, không có trách nhiệm vợ chồng với nhau. Xét thấy, chị N và anh T đã không còn tình cảm với nhau; không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Hoàng Thành N, sinh ngày 12-02-2007 và Hoàng Thành L, sinh ngày 10-01-2012. Trong thời gian chị N và anh T ly thân, cháu N và cháu L chung sống cùng anh T, được chăm sóc chu đáo. Hiện nay, chị N không có việc làm và thu nhập. Cháu N và cháu L có nguyện vọng được ở cùng bố. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N và anh T, giao 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi theo Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung:

2.1 Giao cháu Hoàng Thành N, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2007 và cháu Hoàng Thành L, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2012 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (*mười tám*) tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0007377 ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật

Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Trọng Đạt**